



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các
công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Doanh Nghiệp số	4103006066	ngày 29 tháng 6 năm 2009
	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011
	0301445210	ngày 15 tháng 4 năm 2013
	0301445210	ngày 26 tháng 8 năm 2014
	0301445210	ngày 21 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 vào ngày 21 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa	3241/QĐ-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Diệu Chí Hào Bà Trần Thị Thanh Phương Ông Lê Thiết Hùng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Lê Thiết Hùng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng
--------------------------	-----------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------

Trụ sở đăng ký	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam
-----------------------	-----------------------------------------------------------------------

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-148-4



Hà Văn Định

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0414-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Cẩm Tú

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2193-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		996.450.220.105	813.525.438.310
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	170.919.468.478	46.130.688.595
Tiền	111		74.419.468.478	46.130.688.595
Các khoản tương đương tiền	112		96.500.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		370.047.502.714	309.926.965.346
Phải thu của khách hàng	131	6	343.661.658.969	285.523.599.476
Trả trước cho người bán	132		20.866.549.027	17.350.153.046
Phải thu khác	136	7	5.990.862.148	7.053.212.824
Dự phòng phải thu khó đòi	137	6(b)	(471.567.430)	-
Hàng tồn kho	140	8	445.767.031.712	428.798.591.893
Hàng tồn kho	141		447.550.001.521	428.798.591.893
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.782.969.809)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.716.217.201	28.669.192.476
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		380.469.141	1.154.756.904
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.335.748.060	27.513.850.463
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	585.109

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		791.366.821.150	821.463.874.755
Các khoản phải thu dài hạn	210		245.000.000	267.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		245.000.000	267.000.000
Tài sản cố định	220		712.826.980.804	720.665.315.811
Tài sản cố định hữu hình	221	9	712.635.314.145	720.423.649.148
Nguyên giá	222		1.482.582.665.534	1.423.865.707.201
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(769.947.351.389)	(703.442.058.053)
Tài sản cố định vô hình	227	10	191.666.659	241.666.663
Nguyên giá	228		1.139.772.808	1.139.772.808
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(948.106.149)	(898.106.145)
Bất động sản đầu tư	230	11	42.701.172.895	353.640.215
Nguyên giá	231		70.468.849.375	26.436.678.414
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(27.767.676.480)	(26.083.038.199)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.661.750.000	61.427.142.111
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.661.750.000	61.427.142.111
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	18.146.914.986	23.158.920.552
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		10.396.914.986	9.908.920.552
Đầu tư dài hạn khác	258		7.750.000.000	13.250.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		14.785.002.465	15.591.856.066
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	14.785.002.465	15.591.856.066
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.787.817.041.255	1.634.989.313.065

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.162.998.920.631	1.068.012.392.944
Nợ ngắn hạn	310		983.281.501.209	838.667.373.205
Phải trả người bán	311	15	138.332.218.754	117.108.035.003
Người mua trả tiền trước	312		6.034.706.058	5.509.304.689
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	7.694.733.336	7.004.423.751
Phải trả người lao động	314		57.862.357.084	67.619.586.831
Chi phí phải trả	315	17	11.222.883.677	1.855.612.979
Phải trả khác	319	18	61.347.835.271	47.734.921.645
Vay ngắn hạn	320	19(a)	693.121.727.592	584.658.067.108
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.665.039.437	7.177.421.199
Nợ dài hạn	330		179.717.419.422	229.345.019.739
Phải trả dài hạn khác	337		1.701.301.000	240.000.000
Vay dài hạn	338	19(b)	178.016.118.422	229.105.019.739
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		624.818.120.624	566.976.920.121
Vốn chủ sở hữu	410	20	624.818.120.624	566.976.920.121
Vốn cổ phần	411	21	210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Quỹ đầu tư và phát triển	418	23	67.727.440.187	66.203.825.426
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		272.785.481.312	219.283.564.218
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		214.504.704.058	204.356.134.170
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		58.280.777.254	14.927.430.048
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		71.242.471.852	68.426.803.204
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.787.817.041.255	1.634.989.313.065

Người lập:

 Lê Thiết Hùng
 Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người duyệt:


 Nguyễn Đức Khiêm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.494.476.474.935	2.340.992.888.565
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	2.876.312.490	691.153.099
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	2.491.600.162.445	2.340.301.735.466
Giá vốn hàng bán	11	26	2.157.780.121.959	2.035.825.456.390
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		333.820.040.486	304.476.279.076
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	17.718.683.171	8.755.498.250
Chi phí tài chính	22	28	39.877.269.692	56.262.252.631
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		28.986.122.524	30.546.778.401
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.487.994.434	1.347.713.591
Chi phí bán hàng	25	29	57.759.166.989	36.798.461.097
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	111.649.699.260	134.165.399.672
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) +24 - (25 + 26)}	30		143.740.582.150	87.353.377.517
Thu nhập khác	31	31	10.202.195.411	106.060.850
Chi phí khác	32	32	4.362.348.823	2.497.231.677
Kết quả hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		5.839.846.588	(2.391.170.827)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		149.580.428.738	84.962.206.690
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	30.781.500.680	23.212.182.275
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	-	55.249.416
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		118.798.928.058	61.694.774.999
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế thuộc các cổ đồng của công ty mẹ	61		110.780.777.254	56.927.430.048
Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng không kiểm soát	62		8.018.150.804	4.767.344.951
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	5.120	2.232

Người lập:

 Lê Thiết Hùng
 Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người duyệt:


 Nguyễn Đức Khiêm
 Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2016	2015
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		149.580.428.738	84.962.206.690
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		114.353.202.298	106.265.814.230
Các khoản dự phòng	03		2.254.537.239	(666.269.563)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(10.009.734)	2.387.408.129
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05		(14.391.052.493)	(3.603.632.063)
Chi phí lãi vay	06		28.986.122.524	30.546.778.401
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		280.773.228.572	219.892.305.824
Biến động các khoản phải thu	09		(39.860.973.452)	5.902.069.838
Biến động hàng tồn kho	10		(18.751.409.628)	25.688.765.685
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		22.547.885.622	(20.094.293.422)
Biến động chi phí trả trước	12		1.581.141.364	(2.495.297.151)
			246.289.872.478	228.893.550.774
Tiền lãi vay đã trả	14		(28.986.122.524)	(30.546.778.401)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(29.891.912.101)	(25.808.983.247)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		10.000.000	15.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.282.796.817)	(10.451.122.638)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		184.139.041.036	162.101.666.488

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2016	2015
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(95.274.944.070)	(114.421.450.778)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		9.456.499.535	3.657.250.868
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(10.200.000.000)	(23.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		10.200.000.000	23.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		11.000.000.000	987.701.038
Tiền thu lãi lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.584.050.900	7.070.582.681
Mất quyền kiểm soát công ty con			-	(2.103.681.422)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(73.234.393.635)	(105.309.597.613)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.688.061.076.807	1.737.992.208.183
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.630.686.317.640)	(1.808.668.002.436)
Tiền chi trả cổ tức	36		(44.216.760.775)	(56.719.465.525)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13.157.998.392	(127.395.259.778)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		124.062.645.793	(70.603.190.903)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		46.130.688.595	116.564.985.427
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		726.134.090	168.894.071
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	170.919.468.478	46.130.688.595

Người lập:

 Lê Thiết Hùng
 Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 3 năm 2017
 Người duyệt:


 Nguyễn Đức Khiêm
 Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Sau đây là danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Tên	Địa chỉ	31/12/2016 % sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2016
Công ty con trực tiếp			
Công ty cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	52,27%	52,27%
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	58,55%	58,55%
Công ty liên doanh, liên kết			
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 3.129 nhân viên (1/1/2016: 3.448 nhân viên).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 9 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 16 năm
-----------	------------

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được ghi trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.750.882.749.385	1.406.358.994.572	740.717.413.060	933.942.740.894	2.491.600.162.445	2.340.301.735.466
Chi tiêu vốn	95.274.944.070	114.421.450.778	-	-	95.274.944.070	114.421.450.778
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản của bộ phận	1.787.817.041.255	1.634.989.313.065	-	-	1.787.817.041.255	1.634.989.313.065

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	880.888.517	904.455.525
Tiền gửi ngân hàng	73.538.579.961	45.226.233.070
Các khoản tương đương tiền	96.500.000.000	-
	170.919.468.478	46.130.688.595

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Supreme International LLC	74.703.762.226	39.302.151.238
Công ty TNHH Hyopshin	13.544.675.044	31.552.187.942
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Quế Hương	23.396.805.934	30.530.348.917
Các khách hàng khác	232.016.415.765	184.138.911.379
	343.661.658.969	285.523.599.476

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I – công ty liên doanh	2.961.339.723	1.008.963.689
Các bên liên quan khác:		
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	7.620.052.565	7.100.882.915
Công ty Cổ phần Quốc Tế Phong Phú	990.079.793	1.728.600.287
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	-	5.266.800
Công ty Cổ phần May Nhà Bè	556.087.620	155.099.585
	11.127.567.701	15.698.853.276

Khoản thương mại phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện khoản dự phòng lập trong năm cho khoản phải thu từ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đoàn Kết đã quá hạn hơn 2 năm.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Cổ tức phải thu từ các bên liên quan	3.790.823.000	2.080.000.000
Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan	149.445.288	1.651.825.905
Ký cược, ký quỹ	-	698.727.290
Tạm ứng	295.991.897	953.565.287
Lãi tiền gửi phải thu	829.620.834	-
Phải thu khác	924.981.129	1.669.094.342
	5.990.862.148	7.053.212.824

8. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	40,078,641,009	-	13,428,139,483	-
Nguyên vật liệu	95,548,200,574	-	84,490,630,402	-
Công cụ và dụng cụ	92,183,028	-	68,230,337	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	52,473,847,148	-	58,772,251,585	-
Thành phẩm	241,256,217,409	1,782,969,809	246,184,390,324	-
Hàng hóa	917,073,370	-	444,055,745	-
Hàng gửi đi bán	17,183,838,983	-	25,410,894,017	-
	447,550,001,521	1,782,969,809	428,798,591,893	-

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thành phẩm với giá gốc là 5.033 triệu VND (1/1/2016: không) được lập dự phòng với giá trị là 1.782 triệu (1/1/2016: không).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 90.500 triệu VND (1/1/2016: 89.800 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 19).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho phản ánh số được lập trong năm.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	210.957.813.333	1.201.634.978.668	10.641.376.836	631.538.364	1.423.865.707.201
Tăng trong năm	-	48.725.220.626	1.078.774.833	-	49.803.995.459
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.565.695.447	58.603.474.314	-	35.000.000	60.204.169.761
Thanh lý	(2.212.798.374)	(43.194.262.481)	(530.974.364)	-	(45.938.035.219)
Xóa sổ	(1.698.440.000)	(3.654.731.668)	-	-	(5.353.171.668)
Số dư cuối kỳ	208.612.270.406	1.262.114.679.459	11.189.177.305	666.538.364	1.482.582.665.534
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	101.048.940.849	593.826.480.577	8.123.774.429	442.862.198	703.442.058.053
Khấu hao trong năm	10.629.925.120	101.086.073.324	811.600.521	90.965.048	112.618.564.013
Thanh lý	(2.212.798.374)	(41.107.255.725)	(530.974.364)	-	(43.851.028.463)
Xóa sổ	(1.671.075.544)	(591.166.670)	-	-	(2.262.242.214)
Số dư cuối năm	107.794.992.051	653.214.131.506	8.404.400.586	533.827.246	769.947.351.389
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	109.908.872.484	607.808.498.091	2.517.602.407	188.676.166	720.423.649.148
Số dư cuối năm	100.817.278.355	608.900.547.953	2.784.776.719	132.711.118	712.635.314.145

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 317.080 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 305.741 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 476.225 triệu VND (1/1/2016: 405.363 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 19).

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	1.139.772.808
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	898.106.145
Khấu hao trong năm	50.000.004
Số dư cuối năm	948.106.149
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	241.666.663
Số dư cuối năm	191.666.659

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 889 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 889 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	26.436.678.414
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	44.032.170.961
	<hr/>
Số dư cuối năm	70.468.849.375
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	26.083.038.199
Khấu hao trong năm	1.684.638.281
	<hr/>
Số dư cuối năm	27.767.676.480
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	353.640.215
Số dư cuối năm	42.701.172.895
	<hr/>

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn thể hiện nhà cửa năm giữ nhằm mục đích cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	61.427.142.111	84.584.761.568
Tăng trong năm	45.470.948.611	93.375.979.237
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(60.204.169.761)	(116.533.598.694)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(44.032.170.961)	-
	2.661.750.000	61.427.142.111

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Nhà kho xưởng cơ khí	-	24.230.000.000
Lò hơi	-	4.506.701.980
Máy kéo sợi con	-	32.690.440.131
Máy chải thô	2.661.750.000	-
	2.661.750.000	61.427.142.111

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016						1/1/2016					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:												
Công ty liên doanh												
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%	50,00%	10.396.914.986	-	(*)	-	50,00%	50,00%	9.908.920.552	-	(*)
Công ty liên kết												
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP, Hồ Chí Minh	900.000	20,00%	20,00%	-	-	(*)	900.000	20,00%	20,00%	-	-	(*)
				<hr/>			<hr/>					
				10.396.914.986	-	(*)				9.908.920.552	-	(*)
				<hr/>			<hr/>			<hr/>		

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2016					1/1/2016						
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác												
• Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định	-	-	-	-	-	550.000	5,00%	-	5.500.000.000	-	-	(*)
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%	-	3.600.000.000	-	(*)	-	12,00%	3.600.000.000	-	-	(*)
• Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	-	18,29%	-	3.150.000.000	-	(*)	-	18,29%	3.150.000.000	-	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phong Việt	100.000	10,00%	-	1.000.000.000	-	(*)	100.000	10,00%	1.000.000.000	-	-	(*)
				7.750.000.000	-	(*)			13.250.000.000	-	-	(*)
				18.146.914.986	-	(*)			23.158.920.552	-	-	(*)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	9.908.920.552	9.561.206.962
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	1.642.994.434	1.522.713.590
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(155.000.000)	(175.000.000)
Cổ tức đã nhận	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư cuối năm	10.396.914.986	9.908.920.552

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	10.223.631.711	5.368.224.355	15.591.856.066
Tăng trong năm	6.122.225.898	5.741.436.465	11.863.662.363
Phân bổ trong năm	(6.622.087.724)	(6.048.428.240)	(12.670.515.964)
Số dư cuối năm	9.723.769.885	5.061.232.580	14.785.002.465

15. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	11.028.607.670	11.028.607.670	23.023.614.523	23.023.614.523
Kaiser Corporation Limited	-	-	19.508.529.132	19.508.529.132
Các nhà cung cấp khác	127.303.611.084	127.303.611.084	74.575.891.348	74.575.891.348
	138.332.218.754	138.332.218.754	117.108.035.003	117.108.035.003

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	138.332.218.754	138.332.218.754	117.108.035.003	117.108.035.003

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I – công ty liên doanh	-	-	156.752.919	156.752.919
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	11.028.607.670	11.028.607.670	23.023.614.523	23.023.614.523
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	7.610.561.064	7.610.561.064	7.088.196.226	7.088.196.226

Khoản phải trả thương mại cho công ty liên doanh và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số được khấu trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	494.257.509	31.878.648.426	(18.918.507.064)	(10.652.323.195)	2.802.075.676
Thuế xuất nhập khẩu	-	27.141.739.073	(27.141.739.073)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.603.350.853	30.781.500.680	(29.891.912.101)	-	4.492.939.432
Thuế thu nhập cá nhân	893.820.229	3.500.582.636	(4.012.185.837)	-	382.217.028
Thuế tài nguyên	12.995.160	154.906.160	(150.400.120)	-	17.501.200
Tiền thuê đất	2.000.000.000	14.068.280.152	(16.068.280.152)	-	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	7.004.423.751	107.528.657.127	(96.186.024.347)	(10.652.323.195)	7.694.733.336

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	9.756.763.184	-
Chi phí khác	1.466.120.493	1.855.612.979
	<hr/>	<hr/>
	11.222.883.677	1.855.612.979
	<hr/>	<hr/>

18. Phải trả khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.192.456.254	756.616.784
Bảo hiểm xã hội	186.738.528	31.440.884
Cổ tức phải trả	57.521.363.700	44.550.811.975
Các khoản phải trả khác	2.447.276.789	2.396.052.002
	<hr/>	<hr/>
	61.347.835.271	47.734.921.645
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	542.229.802.428	542.229.802.428	1.659.914.910.845	(1.550.177.791.880)	651.966.921.393	651.966.921.393
Vay dài hạn đến hạn trả	42.428.264.680	42.428.264.680	79.235.067.279	(80.508.525.760)	41.154.806.199	41.154.806.199
	584.658.067.108	584.658.067.108	1.739.149.978.124	(1.630.686.317.640)	693.121.727.592	693.121.727.592

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam				
Khoản vay 1	VND	4,5% - 4,9%	223.470.445.125	180.114.235.567
Khoản vay 2	USD	2,0% - 2,5%	58.158.001.096	30.390.302.436
Khoản vay 3	USD	2,0%	62.971.080.906	26.755.817.812
Khoản vay 4	USD	2,1%	39.508.744.000	11.207.144.956
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam				
Khoản vay 1	VND	4,8%	52.958.949.472	98.878.954.392
Khoản vay 2	USD	-	-	5.985.683.132
Khoản vay 3	USD	2,0%	23.241.481.979	24.517.315.865
Khoản vay 4	VND	7,5%	-	2.079.090.036
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)				
Khoản vay 1	USD	2,0%	-	7.304.254.247
Ngân hàng ANZ				
Khoản vay 1	USD	2,0%	9.167.264.738	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam				
Khoản vay 1	USD	2,2% - 2,5%	10.876.612.051	70.322.398.234
Khoản vay 2	USD	1,9% - 2,0%	36.284.997.580	10.805.764.131
Khoản vay 3	VND	4,5%	9.348.594.968	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng				
Khoản vay 1	USD	1,7% - 2,2%	37.629.883.756	22.134.282.394
Ngân hàng SinoPac – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	USD	2,0%	4.602.196.419	27.181.122.941
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				
Khoản vay 1	VND	4,6% - 4,8%	74.626.569.560	24.553.436.285
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	USD	1,8%	9,122,099,743	-
			651.966.921.393	542.229.802.428

Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 243.421 triệu VND (1/1/2016: 288.843 triệu VND) (Thuyết minh 9); một số hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 90.500 triệu VND (1/1/2016: 89.800 triệu VND) (Thuyết minh 8).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Vay dài hạn	219.170.924.621	271.533.284.419
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(41.154.806.199)	(42.428.264.680)
	178.016.118.422	229.105.019.739

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016	1/1/2016
				VND	VND
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>					
Khoản vay 1	VND	10,9%	2020	12.310.080.364	-
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam</i>					
Khoản vay 1	USD	4,1% - 4,3%	2020	113.722.100.000	147.179.138.189
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>					
Khoản vay 1	USD	4,0%	2022	78.805.062.410	118.134.762.920
Khoản vay 2	USD	4,0%	2018	14.333.681.847	6.219.383.310
				219.170.924.621	271.533.284.419

Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 232.804 triệu VND (1/1/2016: 116.520 triệu VND) (Thuyết minh 9).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	210.000.000.000	3.062.727.273	64.385.643.778	634.786.078	216.850.348.622	72.393.288.276	567.326.794.027
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	56.927.430.048	4.767.344.951	61.694.774.999
Phân bổ vào các quỹ	-	-	1.818.181.648	-	(1.818.181.648)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.060.818.882)	(497.267.523)	(10.558.086.405)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(43.250.000.000)	(2.386.562.500)	(45.636.562.500)
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	-	-	-	-	-	(5.850.000.000)	(5.850.000.000)
Kết chuyển sang lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	(634.786.078)	634.786.078	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	210.000.000.000	3.062.727.273	66.203.825.426	-	219.283.564.218	68.426.803.204	566.976.920.121

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	210.000.000.000	3.062.727.273	66.203.825.426	-	219.283.564.218	68.426.803.204	566.976.920.121
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	110.780.777.254	8.018.150.804	118.798.928.058
Phân bổ vào các quỹ	-	-	1.523.614.761	-	(1.523.614.761)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.255.245.399)	(515.169.656)	(3.770.415.055)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(52.500.000.000)	(4.687.312.500)	(57.187.312.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	210.000.000.000	3.062.727.273	67.727.440.187	-	272.785.481.312	71.242.471.852	624.818.120.624

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	11.145.000	111.450.000.000
	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại..

22. Cổ tức

Cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 12 tháng 12 năm 2016 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 52.500 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2016 (2015: 42.000 triệu VND).

23. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.941.772.800	3.721.460.073
Trong vòng hai đến năm năm	1.466.925.600	2.819.925.600
Sau năm năm	10.351.597.200	10.652.370.000
	13.760.295.600	17.193.755.673

(b) Ngoại tệ

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	199.254	4.521.356.307	306.148	6.874.734.830

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016	2015
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.036.299.978.919	1.822.366.643.805
▪ Bán hàng hóa	1.173.628.323.741	448.227.529.984
▪ Bán phế liệu	21.799.408.800	22.160.555.427
▪ Cung cấp dịch vụ	143.270.824.675	37.614.657.177
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	14.752.281.930	10.623.502.172
▪ Chuyển nhượng dự án bất động sản	104.725.656.870	-
	2.494.476.474.935	2.340.992.888.565
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(2.389.671.300)	(478.934.472)
▪ Hàng bán bị trả lại	(486.641.190)	(212.218.627)
	(2.876.312.490)	(691.153.099)
Doanh thu thuần	2.491.600.162.445	2.340.301.735.466

26. Giá vốn hàng bán

	2016	2015
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	878.878.925.976	1.534.807.171.822
▪ Hàng hoá đã bán	1.144.007.347.080	446.929.103.249
▪ Phế liệu đã bán	20.719.732.454	21.153.600.477
▪ Dịch vụ đã cung ứng	29.508.597.529	30.669.615.359
▪ Bất động sản đầu tư cho thuê	4.939.862.050	2.265.965.483
▪ Giá vốn dự án bất động sản	79.725.656.870	-
	2.157.780.121.959	2.035.825.456.390

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.023.773.327	3.069.783.323
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	2.070.415.110	2.459.253.208
Lãi tiền gửi	1.366.494.734	1.525.260.681
Thu nhập từ cổ tức	1.758.000.000	1.463.500.000
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	5.500.000.000	237.701.038
	17.718.683.171	8.755.498.250
	17.718.683.171	8.755.498.250

28. Chi phí tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	28.986.122.524	30.546.778.401
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.891.147.168	26.396.392.805
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(681.235.129)
Chi phí tài chính khác	-	316.554
	39.877.269.692	56.262.252.631
	39.877.269.692	56.262.252.631

29. Chi phí bán hàng

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.273.289.810	9.678.512.300
Chi phí nhân viên	5.126.578.599	3.815.657.468
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.176.617.869	994.494.804
Chi phí công cụ và dụng cụ	741.713.398	957.899.689
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	7.431.262.110	8.703.060.980
Chi phí vận chuyển	25.335.475.130	6.507.937.615
Chi phí bán hàng khác	8.674.230.073	6.140.898.241
	57.759.166.989	36.798.461.097
	57.759.166.989	36.798.461.097

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	53.877.517.194	79.045.962.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.539.810.941	23.762.263.476
Chi phí thuế, phí và lệ phí	7.958.780.867	7.049.586.267
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.941.959.259	4.959.628.892
Chi phí công cụ và dụng cụ	2.056.534.174	4.348.869.700
Chi phí dự phòng	-	14.965.566
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	18.275.096.825	14.984.122.937
	<hr/> 111.649.699.260	<hr/> 134.165.399.672 <hr/>

31. Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	7.369.492.779	29.456.754
Thu nhập khác	2.832.702.632	76.604.096
	<hr/> 10.202.195.411	<hr/> 106.060.850 <hr/>

32. Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Các khoản bị phạt thuế	1.225.414.199	2.372.640.022
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã xóa sổ	3.090.929.454	-
Chi phí khác	46.005.170	124.591.655
	<hr/> 4.362.348.823	<hr/> 2.497.231.677 <hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	29.749.462.210	18.078.145.490
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.032.038.470	5.134.036.785
	<hr/> 30.781.500.680	<hr/> 23.212.182.275
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	-	55.249.416
	<hr/> 30.781.500.680	<hr/> 23.267.431.691

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	149.580.428.738	84.962.206.690
	<hr/> 29.916.085.748	<hr/> 18.691.685.472
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(320.600.000)	(1.034.724.655)
Ưu đãi thuế	803.175.349	1.599.618.797
Chi phí không được khấu trừ thuế	(649.198.887)	(1.123.184.708)
Thu nhập không bị tính thuế	1.032.038.470	5.134.036.785
Dự phòng thiếu trong những năm trước	<hr/> 30.781.500.680	<hr/> 23.267.431.691

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%).

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.719.796.274.208	1.730.085.283.397
Chi phí nhân công và nhân viên	323.893.368.442	343.464.195.932
Chi phí khấu hao và phân bổ	114.353.202.298	106.265.814.230
Chi phí khác	251.979.934.493	164.975.358.815

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	110.780.777.254	56.927.430.048
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.255.245.399)	(10.060.818.882)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	107.525.531.855	46.866.611.166

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016	2015
Số cổ phiếu đã phát hành đầu năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	21.000.000	21.000.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty liên doanh và liên kết		
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I		
Doanh thu gia công	4.126.524.329	-
Thu nhập cho thuê	1.005.120.000	1.500.000.000
Thu nhập khác	3.122.308.925	2.708.099.116
Thu nhập cổ tức	1.868.125.000	1.668.125.000
Nhận cổ tức	1.000.000.000	1.000.000.000
Mua hàng hóa	23.230.000	333.258.150
Cho vay	10.200.000.000	7.800.000.000
Mua nguyên vật liệu	-	3.340.890
Thu nhập lãi cho vay	178.910.389	-
Hàng hóa giữ hộ	60.079.524	-
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú		
Bán thành phẩm	140.532.242.201	99.416.713.362
Bán hơi	6.455.288.430	5.742.445.375
Thu nhập cho thuê	5.060.045.456	5.060.045.456
Thu nhập khác	2.805.700.997	730.050.879
Mua hàng hóa	533.301.064.611	432.850.728.684
Lãi trả chậm	-	515.360.677
Thu nhập cổ tức	1.080.000.000	1.080.000.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Phí thành viên	-	491.142.200
Phân phối cổ tức	24.637.500.000	19.710.000.000
Phí kiểm toán	268.181.818	-
Phí đào tạo	52.363.636	-
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Bán thành phẩm	46.196.595.599	39.339.621.106
Doanh thu gia công	-	160.450.500
Mua dịch vụ gia công	1.422.020.625	1.919.821.860
Mua hàng hóa	4.291.439.817	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng		
Bán thành phẩm	2.570.719.259	29.483.426
Bán tài sản cố định	667.742.000	
Mua dịch vụ gia công	21.886.115.504	19.722.015.095
Phân phối cổ tức	378.000.000	-
Cho mượn hàng	45.678.323	-
Công ty Cổ phần Len sợi Việt Nam		
Bán thành phẩm	1.786.447.000	-
Mua hàng hóa	2.177.904.168	580.561.174
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Bán thành phẩm	7.987.075.859	3.865.622.681
Doanh thu gia công	-	467.740.575
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán thành phẩm	2.871.079.823	2.526.522.500
Doanh thu gia công	-	5.682.000
Công ty TNHH MTV Dệt 8-3		
Bán thành phẩm	-	266.095.000
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý		
Lương và thưởng	7.161.776.157	6.760.817.206

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc